TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/01/2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhơn
2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Lê Ngọc Trà – cán bộ Tòa án.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1606/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông A, sinh năm 1970 (có mặt).
Địa chỉ thường trú: Đường M, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ tạm trú: Đường A, phường B, Thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Bà B, sinh năm 1973 (có mặt).
Địa chỉ: Đường D, Phường Đ, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 19/7/2017, bản tự khai và tại các biên bản của Tòa án, nguyên đơn ông A trình bày: Ông và bà B tự nguyện kết hôn năm 1998, theo giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 18/8/1998 của UBND phường D, quận Đ, TP. Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống giữa ông bà nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống và nhiều vấn đề khác không đồng thuận nên không hạnh phúc, xuất phát từ tính tình không hòa hợp giữa các bên, bàB sống nặng về duy tâm không tôn trọng ông nên hai bên không tìm được tiếng nói chung, mặc dù ông góp ý rất nhiều nhưng không thay đổi. Do đó tình cảm vợ chồng không còn, không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt

được. Do không thể hòa giải được nên ông bà đã ly thân từ tháng 01 năm 2017 ông chuyển về sống ở địa chỉ đường G, phường N, Thị xã M, tỉnh Bình Dương đến nay. Nhận thấy không thể tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân này nên ông yêu cầu được ly hôn với bà B.

Về con chung: Có 03 con chung tên U, sinh ngày 22/10/1999 (đã trưởng thành); M, sinh ngày 20/5/2005; N, sinh ngày 23/01/2016. Ông giao 02 con chung tên M; N cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung : Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các biên bản của Tòa án, bị đơn bà B xác nhận phần trình bày của ông A về thời điểm kết hôn, về con chung và tài sản chung là đúng. Bà và ông A có bất đồng về quan điểm sống bà thừa nhận bà có duy tâm nhưng chỉ muốn tốt cho gia đình vì có mâu thuẫn nên đã không chung sống tháng 01 năm 2017, ông A chuyển về sống ở địa chỉ đường G, phường N, Thị xã M, tỉnh Bình Dương đến nay. Nhưng theo bà những mâu thuẫn về quan điểm sống không trầm trọng. Vì con còn nhỏ, nếu cha mẹ ly hôn sẽ ảnh hưởng xấu đến tâm lý của con do đó bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung tên U, sinh ngày 22/10/1999 (đã trưởng thành); M, sinh ngày 20/5/2005; N, sinh ngày 23/01/2016. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung tên M; N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung : Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nguyên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả việc tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp Ly hôn và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

2. Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 18/8/1998 của UBND phường D, quận Đ, TP. Hồ Chí Minh hể hiện hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với lý do không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, đôi bên mâu thuẫn đã lâu do khác biệt về quan điểm và do bị đơn có thái độ thiếu tôn trọng nguyên đơn. Mặc dù bị

đơn không thừa nhận có mâu thuẫn với nguyên đơn nhưng căn cứ lời khai của bị đơn trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa thể hiện tình cảm của đôi bên có sự rạn nứt. Bản thân bị đơn cũng xác định nguyên đơn không còn tình cảm yêu thương, hai bên đã ly thân, có thời gian dài nhưng không hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Điều đó chứng tỏ giữa đôi bên có sự rạn nứt về tình cảm và sự khác biệt trong quan điểm xây dựng hạnh phúc gia đình. Chính vì sự trái ngược về quan điểm và thiếu sự tin tưởng lẫn nhau nên nguyên đơn và bị đơn không tìm ra hướng giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và sống ly thân từ tháng 01năm 2017 đến nay.

Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ly hôn. Bị đơn có yêu cầu nguyên đơn quay về không sống ly thân nhưng nguyên đơn không đồng ý. Xét, hôn nhân là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải cùng chung sống và cùng mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Nay mâu thuẫn giữa đôi bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Có 03 con chung tên U, sinh ngày 22/10/1999 (đã trưởng thành); M, sinh ngày 20/5/2005; N, sinh ngày 23/01/2016. Hai bên thỏa thuận giao 02 con chung tên M; N cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về tài sản chung, nợ chung : Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên tòa không xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 280, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông A:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông A ly hôn với bà B.

- Về con chung: Có 03 con chung tên U, sinh ngày 22/10/1999 (đã trưởng thành); M, sinh ngày 20/5/2005; N, sinh ngày 23/01/2016. Giao 02 con chung tên

M; N cho bà B được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông A được quyền thăm nom chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung, hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung : Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông A phải nộp án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp đồng theo biên lai thu số 002667 ngày 10/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- THA Dân sự Q. Bình Thạnh;
- UBND Phường D, Q. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Minh Thuận